

Bản án số: 76/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 26/11/2019
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tăng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST - HNGĐ ngày 21/8/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 667/2019/QĐXX- ST ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đ D K

Trú tại: Thôn 2 T L, xã Q H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị L T T

Trú tại: Thôn 2 T T L, xã Q H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và bản tự khai ngày 03/9/2019 của nguyên đơn Đ D K trình bày giữa anh và chị L T T đã đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường P H, thành phố Đ H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 01 người con. Sau

đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh K làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu Đ T K sinh ngày 11/9/2013, hiện nay cháu đang ở với ông bà nội. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh K là được nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng.

Tài sản chung và các khoản vay chung: Không có.

Tại phiên hòa giải ngày 03/9/2019 và tại phiên tòa hôm nay chị L T T trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn chị nhất trí như ý kiến trình bày của anh K. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn mối quan hệ được nữa nên chị cũng nhất trí ly hôn. Giữa chị và anh K có 01 người con chung là cháu Đ T K sinh ngày 11/9/2013. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị T là được nuôi dưỡng cháu K vì chị cho rằng hiện nay cháu đang ở với ông bà nội không đảm bảo việc chăm sóc và phát triển của cháu, chị trình bày hiện chị đang bị đa nang buồng trứng sau này rất khó có khả năng sinh nở nên mong hội đồng xem xét cho chị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa anh K và chị T một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đ D K và chị L T T đã đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường P H, thành phố Đ H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận ly hôn của anh K và chị T. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ D K và chị L T T là hoàn toàn có căn cứ hợp lý.

[2] Về con chung: Anh K và chị T đều khai anh chị đều có thu nhập và đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận định hiện nay cháu K đang ở với ông bà nội còn anh K đang làm ăn xa nên ảnh hưởng đến việc chăm sóc con chung. Về phía chị T chị trình bày con ở với chị từ nhỏ, anh K mới cho về nhà bà nội ở một thời gian mặt khác con ở với mẹ sẽ tốt hơn trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu vì cháu đang còn nhỏ, chị T cũng trình bày chị đang bị đa nang buồng trứng sau này rất khó có khả năng sinh nở nên mong hội đồng xem xét cho chị được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của chị T là hợp lý nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị L T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ T K sinh ngày 11/9/2013. Xử buộc anh Đ D K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cho đến khi cháu Đ T K tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên không xem xét.

[4] Án phí: Anh Đ D K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004137 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh K còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ D K và chị L T T.

2. Về con chung: Xử giao chị L T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ T K sinh ngày 11/9/2013. Xử buộc anh Đ D K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ T K tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 12/2019. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Đ D K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004137 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh K còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2019), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND phường P H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

